

BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM MUA SẮM
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

Số: 204 /TTMS-NVD

V/v chủ động mua sắm các thuốc thuộc
Danh mục ĐTTTQG và Danh mục áp dụng
hình thức đàm phán giá tại Thông tư
15/2020/TT-BYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2022

Kính gửi:

- Sở Y tế các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương;
- Y tế các Bộ/Ngành;
- Các bệnh viện/viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế.

Ngày 24/11/2021, Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia (Trung tâm MSTTQG) đã ban hành văn bản số 580/TTMS-NVD gửi Sở Y tế các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương, cơ quan y tế các Bộ/Ngành, các bệnh viện/viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế về việc chủ động mua sắm các thuốc thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia (ĐTTTQG) và Danh mục áp dụng hình thức đàm phán giá tại Thông tư 15/2020/TT-BYT (chi tiết tại văn bản đính kèm).

Trung tâm MSTTQG đang khẩn trương triển khai công tác đấu thầu tập trung cấp Quốc gia và đàm phán giá các thuốc thuộc danh mục Thông tư số 15/2020/TT-BYT, cụ thể:


1. Đối với các thuốc thuộc danh mục đấu thầu tập trung cấp quốc gia: Tổ Chuyên gia của Trung tâm MSTTQG đang khẩn trương đánh giá Hồ sơ dự thầu của các nhà thầu.

2. Đối với các thuốc thuộc danh mục đàm phán giá: Hội đồng Đàm phán giá đang tích cực triển khai công tác đàm phán giá đối với các thuốc biệt dược gốc được phê duyệt tại Quyết định 4250/QĐ-BYT ngày 04/9/2021.

3. Khi có kết quả ĐTTTQG và Đàm phán giá, Trung tâm sẽ công bố Quyết định trúng thầu và Thỏa thuận khung để các cơ sở y tế triển khai thực hiện.

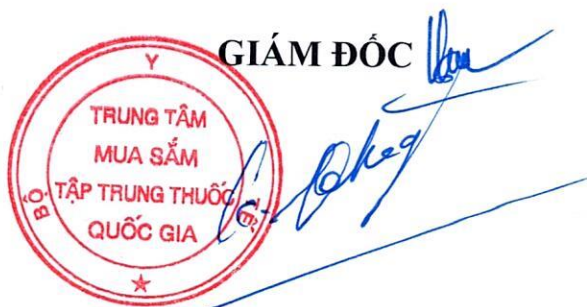
4. Trong thời gian chưa có kết quả ĐTTTQG và Đàm phán giá, để đảm bảo đủ thuốc phục vụ công tác điều trị, Trung tâm đề nghị Sở Y tế các tỉnh/thành phố, cơ quan Y tế các Bộ/Ngành hướng dẫn cơ sở y tế và đề nghị các bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế tiếp tục thực hiện mua sắm theo hướng dẫn tại công văn số 580/TTMS-NVD ngày 24/11/2021 của Trung tâm MSTTQG.

Trung tâm xin thông báo để các đơn vị được biết và chủ động trong thực hiện mua sắm thuốc phục vụ công tác điều trị.

Trân trọng cảm ơn./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Đỗ Xuân Tuyên (để báo cáo);
- Vụ KH-TC, Cục QLD (để báo cáo);
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Các PGĐ Trung tâm;
- Lưu: VT, NVĐT, NVD.



Lê Thanh Dũng

BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM MUA SẮM
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

Số: 580 /TTMS-NVD

V/v chủ động mua sắm các thuốc thuộc
Danh mục ĐTTT cấp QG và Danh mục áp dụng
hình thức đàm phán giá tại Thông tư số
15/2020/TT-BYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 11 năm 2021

Kính gửi:

KHẨN

- Sở Y tế các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương;
- Y tế các Bộ/Ngành;
- Các bệnh viện/viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế.

Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia (Trung tâm) đang khẩn trương triển khai công tác đấu thầu tập trung và đàm phán giá các thuốc thuộc danh mục Thông tư số 15/2020/TT-BYT. Do tình hình thực tế:

1. Đối với các thuốc thuộc danh mục đấu thầu tập trung cấp quốc gia:

- Ngày 08/9/2021, Bộ Y tế đã phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc giai đoạn 2022-2023 thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp quốc gia do Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia thực hiện tại Quyết định số 4325/QĐ-BYT.

- Nay, do có ý kiến về danh mục, Trung tâm đang trong quá trình báo cáo Lãnh đạo Bộ Y tế quyết định về danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia giai đoạn 2022-2023 do Trung tâm thực hiện.

2. Đối với các thuốc thuộc danh mục đàm phán giá:

- Ngày 04/09/2021, Bộ Y tế đã phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp 69 thuốc thuộc Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá năm 2021 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia tại Quyết định số 4250/QĐ-BYT.

- Nay, Trung tâm - Đơn vị thường trực của Hội đồng Đàm phán giá, đang tích cực triển khai công tác đàm phán giá đối với các thuốc được phê duyệt tại Quyết định nêu trên.

3. Để đảm bảo đủ thuốc phục vụ điều trị trong khi Trung tâm chưa công bố Kết quả lựa chọn nhà thầu, Trung tâm đề nghị Sở Y tế các tỉnh/thành phố, cơ quan Y tế các Bộ/Ngành hướng dẫn cơ sở y tế và đề nghị các bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế (gọi tắt là các đơn vị) một số nội dung sau:

a) Các đơn vị có trách nhiệm chủ động mua sắm theo quy định tại Khoản 1 Điều 18 Thông tư 15/2019/TT-BYT đối với:

- 120 thuốc thuộc danh mục đấu thầu tập trung theo công văn số 672/TTMS-NVĐT ngày 23/12/2020;

- 69 thuốc thuộc danh mục đàm phán giá theo Quyết định 4250/QĐ-BYT ngày 04/09/2021 và các thuốc còn lại tại danh mục theo Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10/8/2020 nhưng chưa tiến hành đàm phán.

Đón



b) Trong quá trình thực hiện mua sắm, đề nghị các đơn vị:

- Đối với các thuốc thuộc danh mục thuốc đấu thầu tập trung: nghiên cứu về thời gian tại Hợp đồng cung ứng thuốc địa phương có hiệu lực đến thời điểm Trung tâm thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu.

- Đối với các thuốc thuộc danh mục áp dụng hình thức đàm phán giá: Khi có kết quả đàm phán giá, đối với các hợp đồng cung cấp thuốc còn hiệu lực, các đơn vị phải thực hiện điều chỉnh giá thuốc không vượt mức giá đàm phán đã công bố, thời điểm áp dụng theo thời điểm thỏa thuận khung có hiệu lực theo quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 46 Thông tư 15/2019/TT-BYT.

Trung tâm xin thông báo để các đơn vị được biết và chủ động trong thực hiện mua sắm thuốc phục vụ công tác điều trị.

Trong quá trình xây dựng và tổng hợp dự trù thuốc nếu có vướng mắc xin liên hệ phòng: Nghiệp vụ Dược, Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia, SĐT: 024 6273 2339.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Đỗ Xuân Tuyên (để báo cáo);
- Vụ KH-TC, Cục QLD (để báo cáo);
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- PGĐ Trung tâm;
- Lưu: VT, NVĐT, NVD.



Nguyễn Trí Dũng





Ký bởi: Bộ Y tế
Cơ quan: Bộ Y tế
Ngày ký: 04-09-2021
09:33:42 +07:00

BỘ Y TẾ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4250 /QĐ-BYT

Hà Nội, ngày 04 tháng 09 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc
thuộc Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá năm 2021 của
Trung tâm mua sắm tập trung thuốc quốc gia.**

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược;

Căn cứ Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10/8/2020 của Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc đấu thầu, danh mục thuốc đấu thầu tập trung, danh mục thuốc áp dụng hình thức đàm phán giá,

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BYT ngày 28/3/2019 của Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu về điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp;

Căn cứ Quyết định số 3637/QĐ-BYT ngày 20/8/2020, Quyết định số 1801/QĐ-BYT ngày 05/4/2021, Quyết định số 2439/QĐ-BYT ngày 17/05/2021, Quyết định số 2607/QĐ-BYT ngày 27/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc thành lập, thay đổi thành viên Tổ thẩm định kế hoạch và kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc thuộc Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 614/BC-KH-TC ngày 12/7/2021 và số 694/BC-KH-TC ngày 04/8/2021 của Tổ thẩm định kế hoạch và kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc thuộc Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá đối với Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc thuộc Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá năm 2021 của Trung tâm mua sắm tập trung thuốc quốc gia;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm mua sắm tập trung thuốc quốc gia tại Tờ trình số 12/TTr-TTMS ngày 22/7/2021, Tờ trình số 15/TTr-TTMS ngày 17/8/2021 và Tờ trình số 17/TTr-TTMS ngày 30/8/2021;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc thuộc Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá năm 2021 của Trung tâm mua sắm tập trung thuốc quốc gia, gồm 7 gói thầu với tổng giá các gói thầu là 15.192.483.349.381 đồng (Mười lăm nghìn một trăm chín mươi hai tỉ, bốn trăm tám mươi ba triệu, ba trăm bốn mươi chín nghìn, ba trăm tám mươi mốt đồng), nội dung chi tiết của Kế hoạch lựa chọn nhà thầu kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giá gói thầu nêu tại Điều 1 đã bao gồm toàn bộ các chi phí liên quan để thực hiện gói thầu như chi phí bao bì, đóng gói, bảo quản, vận chuyển đến kho các cơ sở y tế và các loại thuế, phí, lệ phí theo quy định nhà nước hiện hành.

Điều 3. Giám đốc Trung tâm mua sắm tập trung thuốc quốc gia có trách nhiệm:

- a) Xây dựng, tổ chức thẩm định và phê duyệt hồ sơ yêu cầu đàm phán giá thuốc;
- b) Xây dựng phương án đàm phán giá thuốc, trình Chủ tịch Hội đồng đàm phán giá thuốc phê duyệt;
- c) Giúp việc cho Hội đồng đàm phán giá thuốc trong tổ chức đàm phán giá thuốc, trình Bộ Y tế thẩm định, phê duyệt kết quả đàm phán giá theo đúng quy định pháp luật về đấu thầu và kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt;
- d) Công khai kết quả đàm phán giá, hoàn thiện và ký thoả thuận khung với nhà thầu được phê duyệt trúng thầu;
- đ) Triển khai việc kiểm tra, giám sát các hoạt động đấu thầu, thực hiện hợp đồng.
- e) Các nội dung khác thực hiện theo Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập và các Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Cục trưởng Cục Quản lý Dược, Giám đốc Trung tâm mua sắm tập trung thuốc quốc gia và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Đ/c Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, KH-TC2.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Trường Sơn



Ký bởi: Bộ Y tế
Cơ quan: Bộ Y tế
Ngày ký: 04-09-2021
09:34:21 +07:00

3

Phụ lục 1
KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU
Cung cấp thuốc thuộc Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá năm 2021
của Trung tâm mua sắm tập trung thuốc quốc gia
(Kèm theo Quyết định số 4250 /QĐ-BYT ngày 04 tháng 09 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

STT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (VND)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Cung cấp các thuốc biệt dược gốc điều trị ung thư và điều hòa miễn dịch thuộc danh mục đàm phán giá năm 2021	7.630.788.690.566	Ngân sách nhà nước, nguồn quỹ bảo hiểm y tế, nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của cơ sở y tế và các nguồn thu hợp pháp khác	Theo hình thức đàm phán giá	1 giai đoạn, 1 túi hồ sơ	Quý 3/2021	Thỏa thuận khung Hợp đồng theo đơn giá cố định	24 tháng
2	Cung cấp các thuốc biệt dược gốc nhóm chống nhiễm khuẩn thuộc danh mục đàm phán giá năm 2021	2.248.387.695.241						
3	Cung cấp thuốc biệt dược gốc nhóm tim mạch thuộc danh mục đàm phán giá năm 2021	1.087.722.919.858						
4	Cung cấp thuốc biệt dược gốc chứa Insulin và điều trị tiểu đường thuộc danh mục đàm phán giá năm 2021	1.780.711.306.880						
5	Cung cấp thuốc biệt dược gốc tác dụng trên đường hô hấp thuộc danh mục đàm phán giá năm 2021	752.582.746.399						
6	Cung cấp thuốc biệt dược gốc tác dụng đối với máu thuộc danh mục đàm phán giá năm 2021	618.087.838.987						
7	Cung cấp thuốc biệt dược gốc dùng trong chẩn đoán thuộc danh mục đàm phán giá năm 2021	1.074.202.151.450						
Tổng cộng		15.192.483.349.381						

Phụ lục 2
DANH MỤC THUỐC MUA SẴM

Gói thầu 1: Cung cấp các thuốc biệt dược gốc điều trị ung thư và điều hòa miễn dịch thuộc danh mục đàm phán giá năm 2021

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
1	Bevacizumab	Avastin	100mg/4ml	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Lọ	51.649	8.285.865	427.956.641.385
2	Bevacizumab	Avastin	400mg/16ml	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Lọ	22.987	30.266.250	695.730.288.750
3	Docetaxel	Taxotere	20mg/1ml	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm truyền	Lọ	44.796	2.663.085	119.295.555.660
4	Docetaxel	Taxotere	80mg/4ml	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm truyền	Lọ	34.596	9.037.109	312.647.822.964
5	Erlotinib	Tarceva	100mg	Uống	Viên	Viên	48.922	668.710	32.714.630.620
6	Erlotinib	Tarceva	150mg	Uống	Viên	Viên	544.498	668.710	364.111.257.580
7	Gefitinib	Iressa	250mg	Uống	Viên	Viên	737.909	642.010	473.744.957.090
8	Imatinib	Glivec	100mg	Uống	Viên	Viên	4.358.962	116.000	505.639.592.000
9	Mycophenolate mofetil	Cellcept	250mg	Uống	Viên	Viên	8.287.796	26.288	217.869.581.248
10	Mycophenolate mofetil	Cellcept	500mg	Uống	Viên	Viên	7.341.619	52.576	385.992.960.544
11	Oxaliplatin	Eloxatin	100mg/20ml	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm truyền	Lọ	35.082	7.378.464	258.851.274.048
12	Oxaliplatin	Eloxatin	50mg/10ml	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm truyền	Lọ	29.828	4.438.476	132.390.862.128
13	Paclitaxel	Anzatax 100mg/16,7ml	100mg/16,7ml	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Lọ	64.300	3.885.000	249.805.500.000
14	Paclitaxel	Anzatax 150mg/25ml	150mg/25ml	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Lọ	15.133	5.088.300	77.001.243.900
15	Paclitaxel	Anzatax 30mg/5ml	30mg/5ml	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Lọ	62.258	1.197.000	74.522.826.000
16	Rituximab	Mabthera	100mg/10ml	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Lọ	12.974	7.173.731	93.071.985.994

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
17	Rituximab	Mabthera	1400mg/11,7 ml	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Lọ	14.930	27.140.378	405.205.843.540
18	Tacrolimus	Prograf 0.5mg	0,5mg	Uống	Viên	Viên	4.320.386	34.784	150.280.306.624
19	Tacrolimus	Prograf 1mg	1mg	Uống	Viên	Viên	12.716.020	52.173	663.432.911.460
20	Tacrolimus	Prograf 5mg/ml	5mg/ml	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm truyền	Ống	7.468	3.111.877	23.239.497.436
21	Tacrolimus	Advagraf	0,5mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	972.090	34.784	33.813.178.560
22	Tacrolimus	Advagraf	1mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	3.491.398	52.173	182.156.707.854
23	Tacrolimus	Advagraf	5mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	138.920	241.500	33.549.180.000
24	Trastuzumab	Herceptin	150mg	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Lọ	8.547	15.550.710	132.911.918.370
25	Trastuzumab	Herceptin	440mg	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Lọ	2.428	45.596.775	110.708.969.700
26	Trastuzumab	Herceptin	600mg	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Lọ	24.145	27.905.226	673.771.681.770
27	Vinorelbine	Navelbine	10mg/1ml	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Lọ	11.642	757.588	8.819.839.496
28	Vinorelbine	Navelbine 20mg	20mg	Uống	Viên	Viên	212.947	1.422.718	302.963.529.946
29	Vinorelbine	Navelbine 30mg	30mg	Uống	Viên	Viên	228.977	2.133.787	488.588.145.899
	Tổng cộng								7.630.788.690.566

Gói thầu 2: Cung cấp các thuốc biệt dược gốc nhóm chống nhiễm khuẩn thuộc danh mục đàm phán giá năm 2021

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
1	Ceftriaxone	Rocephin 1g I.V	1g	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Lọ	2.453.039	151.801	372.373.773.239
2	Ciprofloxacin	Ciprobay 200	200mg	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Lọ	787.549	209.920	165.322.286.080
3	Ciprofloxacin	Ciprobay 400mg	400mg	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Chai	1.262.657	275.500	347.862.003.500
4	Ciprofloxacin	Ciprobay 500	500mg	Uống	Viên	Viên	2.164.821	15.200	32.905.279.200
5	Meropenem	Meronem	1g	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Lọ	1.227.680	683.164	838.706.779.520
6	Meropenem	Meronem	500mg	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Lọ	566.206	394.717	223.491.133.702
7	Sulbactam; Cefoperazone	Sulperazone	0,5g; 0,5g	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm/tiêm truyền	Lọ	1.455.035	184.000	267.726.440.000
	Tổng cộng								2.248.387.695.241

Gói thầu 3: Cung cấp thuốc biệt dược gốc nhóm tim mạch thuộc danh mục đàm phán giá năm 2021

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
1	Clopidogrel	Plavix	300mg	Uống	Viên	Viên	183.457	58.240	10.684.535.680
2	Clopidogrel	Plavix 75mg	75mg	Uống	Viên	Viên	14.829.862	17.704	262.547.876.848
3	Perindopril Arginine	Coversyl 5mg	5mg	Uống	Viên	Viên	60.354.730	5.650	341.004.224.500
4	Perindopril Arginine	Coversyl 10mg	10mg	Uống	Viên	Viên	5.339.732	7.960	42.504.266.720
5	Rosuvastatin	Crestor	5mg	Uống	Viên	Viên	5.322.599	8.978	47.786.293.822
6	Rosuvastatin	Crestor 10 mg	10mg	Uống	Viên	Viên	17.107.856	14.553	248.970.628.368
7	Rosuvastatin	Crestor 20mg	20mg	Uống	Viên	Viên	7.430.530	18.064	134.225.093.920
	Tổng cộng								1.087.722.919.858

Gói thầu 4: Cung cấp thuốc biệt dược gốc chứa Insulin và điều trị tiểu đường thuộc danh mục đàm phán giá năm 2021

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
1	Gliclazide	Diamicon MR	30mg	Uống	Viên	Viên	105.555.763	2.765	291.861.684.695
2	Gliclazide	Diamicon MR 60mg	60mg	Uống	Viên	Viên	71.933.441	5.285	380.168.235.685
3	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5mg)	NovoMix 30 Flexpen	300 U/3ml	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Bút tiêm	2.212.549	225.000	497.823.525.000
4	Insulin Glargine	Lantus	1000 IU/10ml	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm	Lọ	101.151	505.000	51.081.255.000
5	Insulin Glargine	Lantus Solostar	300 IU/3ml	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Bút tiêm	1.319.293	276.500	364.784.514.500
6	Insulin lispro (insulin lispro 25%; insulin lispro protamine 75%)	Humalog Mix 75/25 Kwikpen	300U/3ml	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Bút tiêm	537.598	227.000	122.034.746.000
7	Insulin lispro (insulin lispro 50%; insulin lispro protamine 50%)	Humalog Mix 50/50 Kwikpen	300U/3ml	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Bút tiêm	321.398	227.000	72.957.346.000
Tổng cộng									1.780.711.306.880

Gói thầu 5: Cung cấp thuốc biệt dược gốc tác dụng trên đường hô hấp thuộc danh mục đàm phán giá năm 2021

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)
1	Budesonid; Formoterol fumarate dihydrate	Symbicort Turbuhaler	(160mcg; 4,5mcg)/liều x 120 liều	Hít	Thuốc hít định liều/ phun mù định liều	Ống	238.159	486.948	115.971.048.732
2	Budesonid; Formoterol fumarate dihydrate	Symbicort Turbuhaler	(160mcg; 4,5mcg)/liều x 60 liều	Hít	Thuốc hít định liều/ phun mù định liều	Ống	734.780	286.440	210.470.383.200
3	Budesonid, formoterol fumarate dihydrate	Symbicort Rapihaler	(160mcg; 4,5mcg)/liều xịt x 120 liều	Hít	Thuốc hít định liều/ phun mù định liều	Bình	92.274	486.948	44.932.639.752
4	Budesonid, formoterol fumarate dihydrate	Symbicort Rapihaler	(160mcg; 4,5mcg)/liều xịt x 60 liều	Hít	Thuốc hít định liều/ phun mù định liều	Bình	21.131	286.440	6.052.763.640
5	Salmeterol; Fluticasone propionat	Seretide Accuhaler 50/250mcg	(50mcg; 250mcg)/liều x 60 liều	Hít	Thuốc hít định liều/ phun mù định liều	Hộp (1 bình hít)	256.051	259.147	66.354.848.497
6	Salmeterol; Fluticasone propionat	Seretide Accuhaler 50/500mcg	(50mcg; 500mcg)/liều x 60 liều	Hít	Thuốc hít định liều/ phun mù định liều	Hộp (1 bình hít)	71.001	335.928	23.851.223.928
7	Salmeterol; Fluticasone propionate	Seretide Evohaler DC 25/50mcg	(25mcg; 50mcg)/liều x 120 liều	Hít	Thuốc hít định liều/ phun mù định liều	Bình xịt	68.646	191.139	13.120.927.794
8	Salmeterol; Fluticasone propionate	Seretide Evohaler DC 25/125mcg	(25mcg;125mcg)/ liều x 120 liều	Hít	Thuốc hít định liều/ phun mù định liều	Bình xịt	286.501	225.996	64.748.079.996
9	Salmeterol; Fluticasone propionate	Seretide Evohaler DC 25/250mcg	(25mcg;250mcg)/ liều x 120 liều	Hít	Thuốc hít định liều/ phun mù định liều	Bình xịt	744.654	278.090	207.080.830.860
	Tổng cộng								752.582.746.399

Gói thầu 6: Cung cấp thuốc biệt dược gốc tác dụng đối với máu thuộc danh mục đàm phán giá năm 2021

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
1	Enoxaparin sodium	Lovenox	4000 anti-Xa IU/0,4ml (40mg/0,4ml)	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Bơm tiêm	2.213.028	85.381	188.950.543.668
2	Enoxaparin sodium	Lovenox	6000 anti-Xa IU/0,6ml (60mg/0,6ml)	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Bơm tiêm	910.251	113.163	103.006.733.913
3	Epoetin alfa	Eprex 10000 U	10000 IU/1ml	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Ống	14.234	1.150.000	16.369.100.000
4	Epoetin alfa	Eprex 2000 U	2000 IU/0,5ml	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Ống	649.920	269.999	175.477.750.080
5	Epoetin alfa	Eprex 4000 U	4000 IU/0,4ml	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Ống	248.674	539.999	134.283.711.326
	Tổng cộng								618.087.838.987

Gói thầu 7: Cung cấp thuốc biệt dược gốc dùng trong chẩn đoán thuộc danh mục đàm phán giá năm 2021

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)
1	Iodine (dưới dạng Iobitridol 65,81g/100ml)	Xenetix 300	30g/100ml; 100ml	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm	Lọ	731.575	485.000	354.813.875.000
2	Iodine (dưới dạng Iobitridol 65,81g/100ml)	Xenetix 300	30g/100ml; 50ml	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm	Lọ	592.767	275.000	163.010.925.000
3	Iodine (dưới dạng Iobitridol 76,78g/100ml)	Xenetix 350	35g/100ml; 100ml	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm	Lọ	175.036	635.000	111.147.860.000
4	Iohexol	Omnipaque	647mg/ml (trung đương 300mg Iod/ml); 100ml	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm	Chai	701.932	446.710	313.560.043.720
5	Iohexol	Omnipaque	647mg/ml (trung đương 300mg Iod/ml); 50ml	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm	Chai	535.917	245.690	131.669.447.730
	Tổng cộng								1.074.202.151.450